TÒA ÁN NHÂN DÂN
H DMC
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-5-2018
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN H DMC, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Minh Châu
Ông Huỳnh Trung Tấn

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân H DMC, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát H DMC, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân H DMC, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 676/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Tuyết M**, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 6, ấp ấp 2, xã BC, H DMC, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ 6, ấp ấp 2, xã BC, H DMC, tỉnh Tây Ninh.

- Chị M có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2017 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, H DMC, tỉnh Tây Ninh theo số: 31 ngày 15-8-2003.

Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian đầu, đến thời gian gần đây chị M và anh T thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T không tin tưởng nhau về tình cảm, kinh tế. Anh T đi nhậu về có lời lẽ xúc phạm chị, có đánh chị,

chị và anh T đã ly thân từ tháng 8-2017 cho đến nay. Hiện tại chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 29-11-2003; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 28-8-2005. Khi ly hôn chị M đồng ý để con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.300.000 đồng/2 con/tháng cho đến khi con thành niên tự lao động và sinh sống được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Tại biên bản lấy lời khai ngày 08-01-2018 anh T trình bày: Vào ngày 28-8-2017, anh đi cạo mủ cao su bình thường, khi đến trưa về thì chị M đã tự ý cuốn quần áo đi đâu anh không rõ. Trước đó vợ chồng không có mâu thuẫn với nhau, Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án chị M nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh tại Tòa án, anh không đồng ý ly hôn nhưng anh không yêu cầu được hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 29-11-2003; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 28-8-2005. Nếu Tòa án cho ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H DMC, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng. Anh T đã được Tòa án triệu tập tham hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ghi nhận chị M đồng ý để con cho anh T trực tiếp nuôi, ghi nhận chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.300.000 đồng/2 con/tháng cho đến khi con thành niên tự lao động và sinh sống được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe đương sự trình bày và hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân H DMC, tỉnh Tây Ninh.

Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng anh vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T tự nguyện chung sống với nhau năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, H DMC, tỉnh Tây Ninh nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị M, anh T phát sinh mâu thuẫn do anh chị không tôn trọng nhau, có hành vi, lời nói không phù hợp, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh T không yêu cầu đoàn tụ để hàn gắn lại tình cảm. Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của chị tan vỡ không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Anh chị không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 29-11-2003; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 28-8-2005. Ghi nhận chị M đồng ý để 02 con cho anh T trực tiếp nuôi, ghi nhận chị M cấp dưỡng nuôi con 1.300.000 đồng/2 con/tháng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; 57; 81; 82; 83; 107 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Tuyết M đối với anh Nguyễn Văn T. Chị Lê Thị Tuyết M và anh Nguyễn Văn T không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 29-11-2003; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 28-8-2005. Ghi nhận chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con 1.300.000 đồng/2 con/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 02-5-2018.

Chị Lê Thị Tuyết M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số 0015984 ngày 08-12-2017

tại Chi cục Thi hành án Dân sự H DMC, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị Lê Thị Tuyết M đã nộp xong.

Chị Lê Thị Tuyết M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

"Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự".

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND H DMC;
- Chi cục THADS H DMC;
- UBND xã BC;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (M).